

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/DS-ST

Ngày: 10-4-2019

V/v tranh chấp “bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2010/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2010 về “tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Minh H, sinh năm 1967, Có mặt.

Địa chỉ: 118/8 ấp 6 (KA), xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Phát H, sinh năm 1971, Vắng mặt.

Địa chỉ: 52/8 ấp 6 (KA), xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Hồ Thị Minh H trình bày:

Vào ngày 01/8/2000 bà chuyển nhượng của em trai bà là ông Hồ Phát H một phần đất khoảng 1.300m² (qua đo đạc thuộc thửa 420 tờ bản đồ 21) với giá 3.000.000 đồng và cha ruột của bà là ông Hồ Văn B một phần đất khoảng 940m² (qua đo đạc thuộc thửa 15 tờ bản đồ 27) với số tiền là 2.000.000 đồng. Phần đất chuyển nhượng của cha bà là phần đất lá, phần đất chuyển nhượng của ông H có cây tràm bông vàng, bạch đàn. Tuy nhiên sau khi đã chuyển nhượng đất ông H nhiều lần đốn lá, bạch đàn, tràm.

Sau đó bà có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H giải quyết nhưng ông H không đồng ý bồi thường và tiếp tục có hành vi đốn lá, chặt cây.

Tại tòa bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H bồi thường cho bà các khoản sau:

Số tiền 7.000.000 đồng do ông H đốn lá, chặt cây từ năm 2000 đến năm 2009 là 9 năm, mỗi năm 810.000 đồng.

Số tiền 23.940.000 đồng là tiền thiệt hại do bà không cho thuê đất được vì ông H ngăn cản người vào thuê đất, mỗi năm 19 gia lúa, 140.000 đồng/gia x 9 năm;

Sau khi bà khởi kiện ông H ra tòa được tòa án thụ lý và giải quyết thì ông H tiếp tục đốn 05 cây bạch đàn x 200.000 đồng/cây là 1.000.000 đồng.

Năm 2013 ông H tiếp tục đốn 08 cây tràm, bạch đàn nên bà yêu cầu ông H phải bồi thường cho bà số tiền 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà yêu cầu ông H bồi thường là 39.940.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà có yêu cầu tòa án tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản đồng thời yêu cầu tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ từ Công an huyện Thạnh Phú.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Hồ Phát H trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 2000 ông và cha ông là ông Hồ Văn B có chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Minh H một phần đất có diện tích khoảng 2.000m². Trên phần đất ông chuyển nhượng cho bà H có một số cây tràm bông vàng, bạch đàn do ông trồng từ trước khi chuyển nhượng đất nên ông và bà H thỏa thuận số cây này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông. Ông thừa nhận ông nhiều lần đốn cây, ông có cho bà H mượn ba cây sau đó bà H có trả cho ông số cây này, ông cũng đốn cho các anh chị em trong gia đình nhưng bà H không có ý kiến gì. Khi ông và bà H xảy ra tranh chấp đất đai với một phần đất khác thì bà H mới khởi kiện yêu cầu ông bồi thường việc đốn cây. Ông không thừa nhận việc ông đốn lá trên phần đất như bà H trình bày mà do những người trong xóm đến đốn. Phần đất trên ông không canh tác cũng không ngăn cản việc bà H cho thuê đất.

Bà H yêu cầu ông bồi thường số tiền 39.940.000 đồng ông không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện cơ bản đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn chưa bảo đảm về thời hạn xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông H bồi thường cho bà H 3.450.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông H bồi thường số tiền 36.490.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Hồ Thị Minh H yêu cầu bị đơn Hồ Phát H bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên đây là “bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Hồ Phát H cư trú tại ấp KA, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Hồ Phát H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Hồ Phát H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: nguyên đơn trình bày việc anh H gây thiệt hại về tài sản của bà từ năm 2001 cho đến năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 1995, 2005 để giải quyết.

[5] Về nội dung vụ án:

Bà Hồ Thị Minh H trình bày ông Hồ Phát H nhiều lần đốn cây bạch đàn, tràm bông vàng, lá, ngăn cản người thuê đất trên phần đất bà đã mua của ông H và cha bà là ông Hồ Văn B nên bà yêu cầu ông H bồi thường cho bà số tiền 39.940.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tờ sang nhượng đất ngày 01/8/2000 được ông H thừa nhận, nội dung tờ giấy xác nhận thể hiện việc ông B, ông H và bà Loan đồng ý bán cho bà H “phần đất có bề ngang 25m, sâu 60m và mé bên kia đề ra ngoài kênh lớn, chiều ngang 25m với giá là 5.000.000 đồng”. Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2017 ông H cũng thừa nhận vào năm 2000 ông và cha ông là ông Hồ Văn B có chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Minh H một phần đất có diện tích khoảng 2.000m². Ông H trình bày sau khi chuyển nhượng đất thì bà H và ông thỏa thuận số cây trên đất như tràm bông vàng, bạch đàn ông vẫn tiếp tục được sử dụng nên ông đã nhiều lần đốn cây nhưng lời trình bày này của ông không được bà H thừa nhận, ông H cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho thỏa thuận này. Vì vậy, bà H yêu cầu ông H phải bồi thường tiền do cây trồng bị chặt phá là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 609, 610, 611, 612 Bộ luật dân sự 1995 và 604, 605, 606, 608 Bộ luật dân sự 2005.

Xét yêu cầu của bà H đối với việc bà H yêu cầu ông H bồi thường tiền do cây trồng bị chặt phá là 9.810.000 đồng thấy rằng: Bà H yêu cầu tiến hành thẩm định,

định giá tài sản bị thiệt hại nhưng tại biên bản xem xét thẩm định ngày 24/3/2015 Hội đồng định giá tài sản không tiến hành định giá được do tài sản bị thiệt hại không còn hiện vật nên không xác định được khối lượng cây. Tại biên bản khám nghiệm ngày 17/3/2014, biên bản lấy lời khai tại công an xã Mỹ Hưng ngày 21/10/2013 ông H thừa nhận có đốn và sử dụng cây trên đất là 07 cây bạch đàn và 01 cây tràm bông vàng. Tại biên bản họp định giá tài sản ngày 13/3/2014 do công an huyện Thanh Phú cung cấp xác định tài sản bị thiệt hại là 07 cây bạch đàn và 01 cây tràm bông vàng có giá là 3.450.000 đồng nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà H buộc ông H bồi thường cho bà H tiền do cây trồng bị chặt phá là 3.450.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà H đối với việc bà H yêu cầu ông H bồi thường tiền do bà H không cho thuê đất được vì ông H ngăn cản người vào thuê đất với số tiền là 23.940.000 đồng thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2017 ông H không thừa nhận việc ngăn cản người vào thuê đất cũng không sử dụng đất. Bà H cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông H ngăn cản việc thuê đất nên yêu cầu này của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

Do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2012 về việc cấm ông Hồ Phát H có hành vi chặt phá các loại cây có trên phần đất thuộc thửa số 15 tờ bản đồ số 27 và một phần thửa 420 tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Thanh Khương A, xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre là cần thiết nên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời trên.

[6] Về án phí: do yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên ông H phải chịu án phí, bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612 Bộ luật dân sự 1995 và 604, 605, 606, 608 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Minh H. Buộc ông Hồ Phát H bồi thường cho bà Hồ Thị Minh H số tiền 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Minh H về việc yêu cầu ông Hồ Phát H bồi thường số tiền 36.490.000 (ba mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2012/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Phát H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bà Hồ Thị Minh H phải chịu 1.824.500 (một triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 175.000 đồng theo biên lai thu số 004244 ngày 12/4/2010, 623.500 đồng theo biên lai thu số 007392 ngày 29/5/2012 và 200.000 đồng theo biên lai thu số 0022063 ngày 17/9/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà H còn phải nộp 826.000 (tám trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh